

Số: 1854 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2018

V/v xây dựng dự toán năm 2019
và kế hoạch tài chính – ngân
sách 03 năm 2019 - 2021

Kính gửi:

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản;
- Phòng Công chứng số 1, 3, 4.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4168/STC-TCHCSN ngày 16/7/2018 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn xây dựng dự toán năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2019 – 2021.

Sở Tư pháp yêu cầu Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Trưởng phòng Công chứng số 1, 3, 4 đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2018 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2019 – 2021 theo các biểu mẫu cụ thể sau:

1. Xây dựng dự toán ngân sách năm 2019:

- Các biểu mẫu số 7,12,14,15 quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Biểu số 3 quy định tại Thông tư 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính.

- Phụ lục 3 – Tổng hợp tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2019 – 2021.

- Các biểu mẫu 13, 16, 17, 18, 19 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

Đề nghị các đơn vị xây dựng dự toán và gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày **23/7/2018** để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính.

Các đơn vị truy cập địa chỉ: <http://stpdongnai.gov.vn> để xem chi tiết nội dung Công văn số 4168/STC-TCHCSN ngày 16/7/2018 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Thị Xuân Đào

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

SỞ TÀI CHÍNH

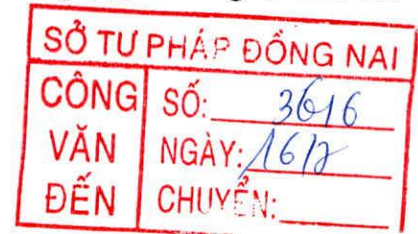
Số: 4168 /STC-TCHCSN

Về việc hướng dẫn xây dựng dự toán năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2019 - 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 7 năm 201



Kính gửi: - Các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể khối Tỉnh;
- Các trường: Đại học Đồng Nai; Cao đẳng y tế;
Cao đẳng kỹ thuật; Cao đẳng nghề công nghệ cao.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/06/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021.

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị nghiên cứu, các văn bản trên. Đồng thời, Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách giai đoạn 2019 -2021 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2018 và giai đoạn 2016 – 2018.

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2018:

Đánh giá thực hiện thu NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015, không hạch toán vào NSNN các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và Lệ phí; các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại của các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện. Căn cứ kết quả ước thu NSNN 06 tháng đầu năm, thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu, tập trung đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2018, chú ý làm rõ:

- Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, trong đó làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2018.

- Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

a) Các đơn vị tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2018 các nội dung sau:

Đánh giá lũy kế việc triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; trong đó chi tiết việc ban hành các văn bản hướng dẫn theo Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; tình hình thực hiện lộ trình tính đủ chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; việc thực hiện tinh giản biên chế trong 3 năm 2016 - 2018 (% đã giảm được so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015); kinh phí thường xuyên đã giảm được trong 3 năm 2016 - 2018 (% đã giảm được so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015); tình hình tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 (so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015); chi tiết đối với từng lĩnh vực sự nghiệp; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

Ngoài ra đề nghị các đơn vị đánh giá chi tiết thêm:

- Sở Y tế: Trong lĩnh vực y tế, đánh giá kết quả thực hiện giảm cấp chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ y tế và việc sử dụng số kinh phí dành ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 132/2017/TT-BTC, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Sở Giáo dục và Đào tạo và các Trường Đại học, Cao đẳng: Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, đánh giá cụ thể về kết quả thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014; xác định các khó khăn, vướng mắc, các giải pháp, kiến nghị đề vận dụng, mở rộng thực hiện đối với Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Sở Lao động Thương binh và xã hội: Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2018; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2016 - 2018 như sau:

Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có mục tiêu, kế hoạch triển khai diễn ra trong giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá chi tiết từng quyết định giao nhiệm vụ, tổng kinh phí, phân kỳ thực hiện từng năm 2016 - 2020, số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2018, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

Đánh giá lũy kế việc triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW trong 3 năm 2016 - 2018 so với các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW chi tiết đối với từng mục tiêu, số kinh phí dành ra được.

3. Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương.

a) Các cơ quan cấp tỉnh báo cáo về:

- Biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn).

- Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương năm 2018, trong đó làm rõ:

Nguồn sắp xếp các khoản chi thường xuyên trong phạm vi dự toán NSNN năm 2018 được giao; nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2017 chuyển sang năm 2018 (nếu có), nguồn chưa sử dụng hết năm 2018 chuyển sang năm 2019 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

Nguồn thu được để lại theo chế độ theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực.

- Rà soát, xác định nhu cầu kinh phí phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

II. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

1. Xây dựng dự toán thu NSNN:

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các cơ quan cấp tỉnh ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2018, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2019 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn), nhưng chỉ tổng hợp phần nộp NSNN theo quy định.

- Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan cấp tỉnh, địa phương, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Các cơ quan cấp tỉnh tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2. Xây dựng dự toán chi NSNN:

Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2019:

- Sở Khoa học công nghệ và Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Sở Giáo dục đào tạo và các trường Đại học, Cao đẳng: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên nhà giáo, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Sở Lao động thương binh và xã hội: Chủ động dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ.

- Sở y tế: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định.

Dự kiến tác động đối với dự toán NSNN năm 2019 khi triển khai thực hiện Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Các đơn vị khác: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2019 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2018 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2019 theo mức giảm tối thiểu/năm

đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2018 (nếu có).

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); (ii) số phải giảm Quỹ lương theo lộ trình thực hiện Kết luận số 17-KL/TW.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2019 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2019 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2019.

3. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019:

a) Các cơ quan cấp tỉnh thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) gắn với chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư;

b) Các địa phương tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư;

4. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các cơ quan cấp tỉnh và các địa phương thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định mẫu biểu tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của các cơ quan cấp tỉnh và các địa phương.

III. Lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2019 – 2021 các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh.

1. Yêu cầu lập kế hoạch:

Năm 2019 là năm thứ hai triển khai xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm. Theo quy định tại Luật NSNN 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC), việc lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 đảm bảo các yêu cầu sau:

- Căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 31 tháng 3 năm 2018, các trần chi tiêu giai đoạn 2019 - 2021 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư cập nhật, thông báo; các đơn vị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 theo hướng dẫn tại các văn bản nêu trên.

- Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị trong các năm 2019 - 2021 tăng, giảm mạnh so với dự toán năm 2018 đã được giao và ước thực hiện năm 2018, lớn hơn khả năng nguồn lực tài chính - NSNN mà cơ quan tài chính, đầu tư cập nhật, thông báo cho kỳ 3 năm 2019 - 2021; các cơ quan đơn vị cấp tỉnh thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải được cân đối từ các nguồn lực tương ứng.

- Lập kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2019 - 2021 trên cơ sở dự kiến một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giai đoạn 2019 - 2021 như sau: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tốt bình quân cả giai đoạn 2016 - 2020 ở mức 6,5 - 7%; chỉ số giá tiêu dùng ổn định ở mức dưới 4%/năm; tốc độ tăng lương cơ sở dự kiến 7%/năm.

- Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2019.

2. Lập kế hoạch NSNN 03 năm 2019 – 2021:

Nội dung, cách thức lập kế hoạch NSNN 03 năm 2019 - 2021 thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, lưu ý:

a) Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2019 - 2021 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020, số ước thực hiện năm 2018, trần chi ngân sách giai đoạn 2019 - 2021 do cơ quan có thẩm quyền thông báo; trong đó thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW, các Nghị quyết số 08/NQ-CP và Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ ban hành hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

b) Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2019, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2019 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2020, năm 2021.

c) Lập kế hoạch chi thường xuyên:

Lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với việc sắp xếp lại bộ, máy, tinh giản biên chế và đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ kết quả triển khai năm 2016 - 2018 và mục tiêu phải thực hiện, các cơ quan cấp tỉnh xác định kế hoạch triển khai trong từng năm, mức kinh phí dành ra hàng năm đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW (chi tiết mức kinh phí dành ra theo quy định tại điểm b và điểm c, khoản 3 Điều 11 của Thông tư này).

Riêng đối với mục tiêu giảm biên chế, mức giảm hàng năm tối thiểu theo chỉ đạo tại Kết luận số 17-KL/TW.

V. Thời gian, thành phần tham dự thảo luận dự toán năm 2019:

1. Thời gian:

STT	Đơn vị	Ngày	Thời gian
1	Sở Y tế	07/08/2018	Buổi sáng từ 8 giờ 00
2	Sở Văn hóa Thể thao và du lịch	07/08/2018	Buổi chiều từ 14 giờ 00
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	08/08/2018	Buổi sáng từ 8 giờ 00
4	Sở Giao thông vận tải	08/08/2018	Buổi chiều từ 14 giờ 00
5	Sở Công thương	09/08/2018	Buổi sáng từ 8 giờ 00
6	Sở Khoa học và công nghệ	09/08/2018	Buổi chiều từ 14 giờ 00
7	Sở Tài nguyên và môi trường	10/08/2018	Buổi sáng từ 8 giờ 00
8	Ban quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học	10/08/2018	Buổi chiều từ 14 giờ 00
9	Sở Lao động thương binh và	14/08/2018	Buổi sáng từ 8 giờ 00

STT	Đơn vị	Ngày	Thời gian
	xã hội		
10	Sở Thông tin truyền thông	14/08/2018	Buổi chiều từ 14 giờ 00
11	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	15/08/2018	Buổi sáng từ 8 giờ 00
12	Khu bảo tồn thiên nhiên, văn hóa	15/08/2018	Buổi chiều từ 14 giờ 00
13	Sở Nội vụ	16/08/2018	Buổi sáng từ 8 giờ 00
14	Sở Tư pháp	16/08/2018	Buổi chiều từ 14 giờ 00

2. Thành phần mời dự gồm:

+ Các đơn vị: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế hoạch của đơn vị hoặc kế toán các đơn vị trực thuộc, cán bộ chuyên môn phụ trách các công việc liên quan đến sử dụng kinh phí để có thể trao đổi trực tiếp.

+ Sở Tài chính: Lãnh đạo Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp và Chuyên viên phụ trách chuyên quản các đơn vị.

Sau khi Bộ phận chuyên môn làm việc, Sở Tài chính sẽ có Thư mời cụ thể làm việc dự toán với Lãnh đạo các đơn vị dưới sự chủ trì của Lãnh đạo Sở Tài chính.

IV. Thời gian và biểu mẫu báo cáo dự toán 2019:

1. Thời gian:

- Đề nghị các đơn vị hoàn chỉnh các biểu mẫu theo quy định và gửi về Sở Tài chính trước ngày **25/07/2018** để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính và có cơ sở làm việc thảo luận dự toán với đơn vị.

- Hồ sơ tài liệu làm việc thảo luận dự toán 2019 đề nghị các đơn vị có báo cáo cụ thể như hướng dẫn nêu, ngoài ra đề nghị đơn vị nêu những khó khăn, vướng mắc cụ thể về chế độ, chính sách và các nội dung có liên quan trong quá trình thực hiện.

2. Biểu mẫu lập dự toán 2019 và kế hoạch tài chính 03 năm:

2.1 Biểu mẫu lập dự toán 2019:

Hồ sơ thảo luận dự toán 2019 với Sở Tài chính gồm báo cáo và các biểu mẫu cụ thể như sau:

- Các mẫu biểu từ số 05 đến biểu số 18 và từ biểu số 23 đến biểu số 27 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Biểu số 1, ^{7, 12, 14, 15,} 3, 4, 5 quy định tại Thông tư 54/2018/TT-BTC ngày 08/06/2018 của Bộ Tài chính.

- Phụ lục 1- Tổng hợp dự toán chi NSNN khối tỉnh
- Phụ lục 2 – Tổng hợp dự toán thu NSNN khối tỉnh;
- Phụ lục 3 – Tổng hợp tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Lưu ý: Phụ lục 1,2,3 đề nghị các đơn vị đăng nhập vào trang web của Sở Tài chính www.stc.dongnai.gov.vn để tải về thực hiện.

Ngoài ra, các đơn vị sau thực hiện thêm các chỉ tiêu thuộc biểu số 28 của Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016, cụ thể:

- + Sở Lao động, thương binh và Xã hội: Chỉ tiêu số 11, 13 và 16.
- + Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ tiêu số 14.
- + Sở Y tế: Chỉ tiêu số 15.
- + Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ tiêu số 12, 17 và 19.

2.2 Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm:


- Các đơn vị thực hiện báo cáo theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC, cụ thể các biểu: 13, 16, 17, 18 19.

IV. Một số lưu ý khi xây dựng dự toán:

- Đối với dự toán 2019, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị căn cứ Thông báo số kiểm tra chi (số trần chi) NSNN năm 2019 và dự kiến số chi NSNN 2019-2021 gửi đến từng đơn vị làm cơ sở để xây dựng dự toán 2019.

- Đề nghị các đơn vị ngoài báo cáo gửi bằng đường văn bản, gửi file mềm về địa chỉ mail thuy21102002@yahoo.com để kịp thời tổng hợp.

Công văn này thay giấy mời. Để kịp thời gian tổng hợp dự toán trình Bộ Tài chính, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị phối hợp nghiên cứu, thực hiện đảm bảo theo thời gian quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị liên hệ Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp, số điện thoại: 0251 3847282 để được hướng dẫn chi tiết/.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Phòng Ngân sách;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu VT, TCHCSN.



Người ký: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký:
16.07.2018 10:56:12
+07:00

Đặng Văn Tấn

